HIỆP ĐỊNH QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ HOÀNG GIA CAMPUCHIA

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia (dưới đây gọi tắt là hai Bên ký kết);

Với mong muốn củng cố và mở rộng hơn nữa mối quan hệ hợp tác về kinh tế – thương mại, nhằm góp phần phát triển kinh tế của mỗi nước, trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi;

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho quá cảnh hàng hóa thông qua việc đơn giản hóa thủ tục hành chính và các biện pháp kiểm soát ở biên giới;

Đã cùng nhau thỏa thuận như sau:

Điều 1

Tạo điều kiện thuận lợi quá cảnh

1. Hai Bên ký kết cho phép hàng hóa của mỗi Bên xuất khẩu đi nước thứ ba, hoặc nhập khẩu từ nước thứ ba về, hoặc hàng hóa vận chuyển từ một địa phương này sang một địa phương khác của một Bên ký kết, được quá cảnh qua lãnh thổ Bên ký kết kia dưới sự giám sát của hải quan và các cơ quan có thẩm quyền khác của Bên ký kết kia.

2. Hai Bên ký kết tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hoá quá cảnh bằng đường bộ, đường thủy, đường sắt giữa hai nước phù hợp với luật pháp của cả hai nước, không gây trở ngại về mặt thời gian, không ban hành những quy định gây cản trở hoặc thu các khoản phí không cần thiết cho quá trình quá cảnh.

Điều 2

Giải thích thuật ngữ

Một số thuật ngữ trong Hiệp định được hiểu như sau:

1. **Quá cảnh hàng hóa** là việc vận chuyển hàng hóa thuộc sở hữu của pháp nhân, thể nhân của nước xin quá cảnh qua lãnh thổ của nước cho quá cảnh, kể cả việc trung chuyển, chuyển tải, lưu kho, chia tách lô hàng, thay đổi phương thức

vận tải hoặc các công việc khác được thực hiện trong thời gian quá cảnh dưới sự giám sát của hải quan và các cơ quan có thẩm quyền khác phù hợp với các quy định pháp luật của nước cho quá cảnh.

2. **Nước xin quá cảnh** là nước có pháp nhân, thể nhân sở hữu hàng hóa quá cảnh.

3. **Nước cho quá cảnh** là nước cho thực hiện quá cảnh hàng hóa qua lãnh thổ nước đó.

4. **Chủ hàng** là pháp nhân, thể nhân sở hữu hàng hóa quá cảnh.

5. **Người vận chuyển hàng hóa quá cảnh** là pháp nhân hoặc thể nhân được chủ hàng ủy quyền hợp pháp vận chuyển hàng hóa quá cảnh phù hợp với quy định, pháp luật của nước cho quá cảnh.

6. **Hàng cấm** có nghĩa là hàng cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu.

Điều 3

Các quy định về quá cảnh

Việc quá cảnh hàng hoá phải tuân thủ các quy định sau:

1. Quá cảnh hàng hóa phải tuân thủ những quy định của hải quan và các quy định pháp luật khác có liên quan của nước cho quá cảnh và các điều ước quốc tế mà hai Bên ký kết tham gia hoặc là thành viên.

2. Số lượng, chủng loại hàng hoá vận tải qua cửa khẩu cuối cùng của nước cho quá cảnh phải đúng như số lượng, chủng loại hàng hoá qua cửa khẩu đầu tiên của nước cho quá cảnh, và hàng hoá phải còn nguyên đai, nguyên kiện và có niêm phong hải quan. Trong quá trình vận chuyển, lưu kho trên lãnh thổ của nước cho quá cảnh, nếu hàng hóa quá cảnh bị hư hỏng, tổn thất thì chủ hàng hoặc người chuyên chở phải kịp thời thông báo cho hải quan nơi xảy ra sự cố và/hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác phù hợp với quy định pháp luật của nước cho quá cảnh để lập biên bản xác nhận tình trạng hàng hóa. Những nơi chưa có trụ sở hải quan thì chủ hàng hoặc người chuyên chở phải thông báo cho

chính quyền địa phương nơi gần nhất hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác để lập biên bản xác nhận tình trạng hàng hóa.

3. Hàng hoá quá cảnh được hai Bên ký kết miễn kiểm tra hải quan tại cửa khẩu, miễn áp tải trên lãnh thổ của nước cho quá cảnh. Việc kiểm tra hàng hóa quá cảnh chỉ áp dụng trong trường hợp cơ quan hải quan nghi ngờ rằng hàng hóa quá cảnh có nguy cơ cao trong việc vi phạm các điều khoản của Hiệp định này hoặc các quy định pháp luật về hải quan.

4. Nếu hàng hoá quá cảnh cần lưu kho, lưu bãi tại nước cho quá cảnh thì phải được cơ quan có thẩm quyền của nước cho quá cảnh cho phép về thời gian và địa điểm, và phải chịu sự giám sát của hải quan nước cho quá cảnh.

Điều 4

Quá cảnh hàng cấm

Việc quá cảnh hàng hóa thuộc danh mục hàng cấm được quy định như sau:

1. Không được phép quá cảnh hàng hóa bị cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, cấm vận chuyển theo các điều ước quốc tế mà Hai bên cùng là thành viên.

2. Hàng hóa trong danh mục hàng cấm sẽ không được phép quá cảnh trừ những trường hợp quy định tại Hiệp định này.

3. Quá cảnh vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và trang thiết bị quân sự phục vụ vào mục đích an ninh quốc phòng phải được Thủ tướng Chính phủ nước cho quá cảnh cho phép và phải tuân theo pháp luật có liên quan của nước cho quá cảnh.

4. Quá cảnh hàng hóa thuộc Danh mục hàng cấm của nước cho quá cảnh nhưng không thuộc Danh mục cấm của nước xin quá cảnh phải được Bộ Công Thương/ Bộ Thương mại nước cho quá cảnh hoặc văn phòng đại diện được ủy quyền của Bộ Công Thương/Bộ Thương mại cấp phép sau khi có đề nghị của chủ hàng.

5. Đối với hàng hóa của Vương quốc Campuchia trong Phụ lục III, Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và văn phòng đại diện được ủy quyền của Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ cấp phép quá cảnh sau khi có đề nghị của Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia.

6. Hàng hóa thuộc danh mục hàng cấm khi được phép quá cảnh phải được vận chuyển theo đúng các quy định trong giấy phép quá cảnh, bao gồm đúng

tuyến đường bộ, đường thủy, đường sắt, đúng cặp cửa khẩu, đúng loại phương tiện vận chuyển và đúng thời hạn và phải chịu sự giám sát của hải quan và các cơ quan có thẩm quyền khác của nước cho quá cảnh.

7. Danh mục hàng cấm của mỗi Bên ký kết được lập phù hợp với các quy định pháp luật của mỗi nước tương ứng. Danh mục hàng cấm của Vương quốc Campuchia thể hiện trong Phụ lục I. Danh mục hàng cấm của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện trong Phụ lục II. Những danh mục trên phải được Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia thông báo cho nhau bằng văn bản tiếng Anh trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký Hiệp định. Các danh mục này có thể thay đổi và khi có sự thay đổi, Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ Thương mại Campuchia phải kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản về các danh mục hàng cấm sửa đổi. Các danh mục mới sẽ tự động thay thế cho các danh mục trước.

Điều 5

Quá cảnh gỗ tròn, gỗ đã qua xử lý, sản phẩm từ gỗ

Việc quá cảnh gỗ và các sản phẩm gỗ qua lãnh thổ của mỗi Bên ký kết sẽ được thực hiện như sau:

1. Không được phép quá cảnh gỗ tròn (gỗ cây đã hoặc chưa bóc vỏ, bỏ dác hoặc gỗ cây dạng vuông thô) qua lãnh thổ của bất kỳ Bên ký kết nào.

2. Việc quá cảnh gỗ các loại đã qua xử lý phải được Bộ Công Thương / Bộ Thương mại nước cho quá cảnh cấp phép sau khi có văn bản đề nghị của Bộ Thương mại / Bộ Công Thương nước xin quá cảnh. Văn bản đề nghị đó phải được lập dựa trên các tài liệu hỗ trợ đi kèm nếu được yêu cầu phù hợp với các qui định pháp luật của nước xin quá cảnh.

3. Đối với các sản phẩm gỗ khác không được nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, khi quá cảnh bằng đường bộ, đường thủy qua các cặp cửa khẩu được nêu tại Điều 7, chủ hàng hoặc người chuyên chở chỉ cần làm thủ tục hải quan cho hàng hóa quá cảnh tại các cặp cửa khẩu mà không phải xin giấy phép quá cảnh tại Bộ Công Thương/Bộ Thương mại nước cho quá cảnh. Nhà chức trách của nước cho quá cảnh phải áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng các sản phẩm từ gỗ được phép quá cảnh hợp pháp.

Hết

Điều 6

Các điều khoản khác

Đối với các loại hàng hóa không thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 4 và Điều 5, khi quá cảnh bằng đường bộ, đường thủy hoặc đường sắt qua các cặp cửa khẩu được nêu tại Điều 7, chủ hàng hoặc người chuyên chở chỉ cần làm thủ tục hải quan cho hàng hóa quá cảnh tại cặp cửa khẩu mà không phải xin phép quá cảnh tại Bộ Công Thương/Bộ Thương mại nước cho quá cảnh.

Điều 7

Các cặp cửa khẩu cho phép quá cảnh

Quá cảnh hàng hóa được thực hiện qua các cặp cửa khẩu quốc tế và các tuyến đường nối được quy định trong Phụ lục IV của Hiệp định này.

Để tạo thuận lợi quá cảnh hàng hóa, nếu các Bên ký kết có nhu cầu và sau khi trao đổi thống nhất, một số cặp cửa khẩu khác có thể được mở và bổ sung vào Hiệp định.

Điều 8

Quy định tiêu thụ hàng quá cảnh

1. Cấm tiêu thụ hàng hóa quá cảnh thuộc danh mục hàng cấm trên lãnh thổ nước cho quá cảnh.
2. Đối với các loại hàng hóa quá cảnh không thuộc danh mục nêu tại khoản 1 Điều này, việc tiêu thụ trên lãnh thổ nước cho quá cảnh chỉ được tiến hành trong trường hợp bất khả kháng và phải được các cơ quan có thẩm quyền của nước cho quá cảnh cho phép và phải chịu thuế và các lệ phí khác theo các quy định pháp luật của nước cho quá cảnh.

Điều 9

Thanh toán

Các khoản phí và lệ phí phát sinh từ các hoạt động liên quan đến hàng hóa quá cảnh theo Hiệp định này được thanh toán bằng đồng nội tệ của nước cho quá cảnh hoặc đồng ngoại tệ chuyển đổi tự do phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối của mỗi nước.

Điều 10

Hình thức và phương tiện quá cảnh

1. Trong trường hợp hàng hoá quá cảnh được vận chuyển bằng đường bộ, thì chủ hàng hoặc người chuyên chở có thể sử dụng phương tiện vận tải đường bộ của nước mình, hoặc thuê phương tiện vận tải đường bộ của nước khác trên cơ sở tham chiếu Hiệp định Tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước Tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS CBTA).

2. Trong trường hợp hàng hoá quá cảnh được vận chuyển bằng đường thuỷ, thì chủ hàng hoặc người chuyên chở có thể sử dụng phương tiện vận tải thuỷ của nước mình, hoặc thuê phương tiện vận tải thuỷ của nước khác trên cơ sở tham chiếu Hiệp định Tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước Tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS CBTA).

3. Việc quá cảnh phương tiện vận chuyển và người áp tải cũng như việc sang mạn, thay đổi phương tiện vận chuyển phải tuân thủ các điều ước quốc tế và khu vực mà hai Bên ký kết là thành viên. Trong trường hợp các điều ước quốc tế mà hai Bên ký kết tham gia hoặc là thành viên chưa quy định thì thực hiện theo các quy định pháp luật của nước cho quá cảnh.

Điều 11

Ủy quyền thực hiện

Hai Bên ký kết thỏa thuận sẽ ủy quyền cho Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia căn cứ vào tình hình thực tế từng thời kỳ, đàm phán và thống nhất các mẫu chứng từ cụ thể, trong đó có bộ chứng từ vận tải quá cảnh, để thực hiện Hiệp định này.

Điều 12

Xử lý vi phạm

Bất kỳ hành vi nào của chủ hàng hoặc người chuyên chở vi phạm pháp luật của nước cho quá cảnh sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật có liên quan của nước cho quá cảnh.

Điều 13

Giải quyết tranh chấp

Trong quá trình thực hiện Hiệp định nếu phát sinh tranh chấp, hai Bên ký kết sẽ cử đại diện có thẩm quyền thương lượng, giải quyết thông qua đường ngoại giao.

Điều 14

Bổ sung sửa đổi

Một Bên ký kết có thể đề nghị bằng văn bản để sửa đổi, bổ sung Hiệp định này. Trong vòng ba tháng kể từ khi nhận được đề nghị, Bên ký kết kia phải trả lời chính thức bằng văn bản. Các điều khoản được sửa đổi hoặc bổ sung đã được hai Bên ký kết đồng ý được coi là một bộ phận cấu thành không thể tách rời của Hiệp định này và có cùng hiệu lực như bản Hiệp định này.

Điều 15

Hiệu lực và gia hạn

Hiệp định này bắt đầu có hiệu lực sau 60 ngày kể từ ngày ký và có hiệu lực trong vòng hai (2) năm. Nếu trong vòng 60 ngày trước khi Hiệp định hết hiệu lực, không Bên ký kết nào đề nghị bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc chấm dứt hiệu lực của Hiệp định, Hiệp định sẽ được mặc nhiên gia hạn thêm một (1) năm. Thể thức gia hạn này sẽ được tiếp tục áp dụng tương tự cho các năm tiếp theo.

Trong trường hợp một Bên ký kết đề nghị bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc chấm dứt hiệu lực của Hiệp định, Hiệp định sẽ hết hiệu lực sau 60 ngày kể từ ngày Bên ký kết kia nhận được văn bản đề nghị đó.

Trong trường hợp chấm dứt Hiệp định thì các điều khoản của Hiệp định này vẫn được áp dụng cho các thỏa thuận hợp đồng và hoạt động có liên quan đã được ký kết trước khi Hiệp định chấm dứt cho đến khi thực hiện xong.

Hiệp định này thay thế cho Hiệp định quá cảnh hàng hoá được ký giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ký ngày 4 tháng 11 năm 2008.

Những người dưới đây, được ủy quyền bởi Chính phủ của các nước tương ứng, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Hà Nội, Việt Nam vào ngày 26 tháng 12 năm 2013 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Khơ-me và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt về giải thích, bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ **NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM**	**THAY MẶT CHÍNH PHỦ** **HOÀNG GIA CAMPUCHIA**
VŨ HUY HOÀNG **Bộ trưởng Bộ Công Thương**	**SUN CHANTHOL** **Bộ trưởng Cao cấp, Bộ trưởng Bộ Thương mại**

PHỤ LỤC I

DANH MỤC HÀNG CẤM CỦA VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA

I - HÀNG CẤM XUẤT KHẨU

1. Vũ khí, đạn dược và phụ tùng, phụ kiện đi kèm.
2. Các loại thuốc bị cấm và các chất gây nghiện
3. Tác phẩm nghệ thuật văn hóa; cổ vật và các di sản văn hóa.
4. Lâm sản
   - Gỗ tròn thô (đã bóc vỏ hoặc chưa)
   -Gỗ xẻ thô
   - Gỗ vuông với chiều rộng hơn 25cm, kể cả khi đã bào nhẵn
   - Dầu Dyxosylum Lorreiri, cây nho vàng, bột nho vàng
   -Pháo hoa các loại, kể cả khi đã bó; và than củi, Borassus frabellifer
5. Tinh chất centrifuge.
6. Động thực vật là biểu tượng của Vương quốc Campuchia:

   - Động vật 4 chân: Bos Sauveli
   - Chim : Pseudibis gigantea
   - Thằn lằn : Batagur baska
   - Cá : Catkicaroui Siamensis
   - Thực vật : Borassus Flabellifer

II - HÀNG CẤM NHẬP KHẨU

1. Vũ khí, đạn dược và phụ tùng, phụ kiện đi kèm.
2. Các loại thuốc bị cấm và các chất gây nghiện
3. Các loại xe tay lái bên phải
4. Hàng đã qua sử dụng như: máy tính, giầy, túi xách, pin và máy biến thế.
5. Sách chính trị, tôn giáo, sách chứa tranh ảnh khiêu dâm và các loại sách được xuất bản bất hợp pháp.
6. Hàng hóa vi phạm sở hữu trí tuệ hoặc hàng giả.
7. Mọi loại động thực vật hoang dã có ảnh hưởng tới nguồn gen.
8. Phế thải các loại của các sản phẩm đã qua sử dụng.
9. Hàng hóa các loại ảnh hưởng tới giáo dục, văn hóa, an ninh và an toàn xã hội.

PHỤ LỤC II

DANH MỤC HÀNG CẤM CỦA NƯỚC CHXH CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

I - HÀNG CẤM XUẤT KHẨU

1. Vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ (trừ vật liệu nổ công nghiệp), trang thiết bị kỹ thuật quân sự.
2. Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc sở hữu toàn dân, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội
3. Các loại văn hoá phẩm thuộc diện cấm phổ biến và lưu hành tại Việt Nam
4. Gỗ tròn, gỗ xẻ từ gỗ rừng tự nhiên trong nước
5. Động vật, thực vật hoang quý hiếm và giống vật nuôi, cây trồng quý hiếm thuộc nhóm IA-IB theo quy định tại Nghị định số 48/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ và động vật, thực vật hoang dã quý hiếm trong "sách đỏ" mà Việt Nam đã cam kết với các tổ chức quốc tế6. Rare and precious products of aquaculture.
6. Các loài thủy sản quý hiếm.
7. Các loại máy mã chuyên dụng và các chương trình phần mềm mật mã sử dụng trong phạm vi bảo vệ bí mật Nhà nước..
8. Hoá chất độc bảng I được quy định trong Công ước cấm vũ khí hoá học

II - HÀNG CẤM NHẬP KHẨU

1. Vũ khí; đạn dược; vật liệu nổ, trừ vật liệu nổ công nghiệp; trang thiết bị kỹ thuật quân sự.
2. Pháo các loại (trừ pháo hiệu cho an toàn hàng hải theo hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải); các loại thiết bị gây nhiễu máy đo tốc độ phương tiện giao thông.
3. Hàng tiêu dùng đã qua sử dụng, bao gồm các nhóm hàng:
   - Hàng dệt may, giày dép, quần áo
   - Hàng điện tử
   - Hàng điện lạnh
   - Hàng điện gia dụng
   - Thiết bị y tế
   - Hàng trang trí nội thất
   - Hàng gia dụng bằng gốm, sành sứ, thuỷ tinh, kim loại, nhựa, cao su, chất dẻo và chất liệu khác.
   - Hàng hoá là sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng.
4. Các loại văn hoá phẩm cấm phổ biến và lưu hành tại Việt Nam.
5. Phương tiện vận tải tay lái bên phải (kể cả dạng tháo rời và dạng đã được chuyển đổi tay lái trước khi nhập khẩu vào Việt Nam), trừ các loại phương tiện chuyên dùng có tay lái bên phải hoạt động trong phạm vi hẹp gồm: xe cần cẩu; máy đào kênh rãnh; xe quét đường, tưới đường; xe chở rác và chất thải sinh hoạt; xe thi công mặt đường; xe chở khách trong sân bay và xe nâng hàng trong kho, cảng; xe bơm bê tông; xe chỉ di chuyển trong sân gol, công viên..
6. Vật tư, phương tiện đã qua sử dụng, gồm:

- Máy, khung, săm, lốp, phụ tùng, động cơ của ô tô, máy kéo và xe hai bánh, ba bánh gắn máy;

- Khung gầm của ô tô, máy kéo có gắn động cơ (kể cả khung gầm mới có gắn động cơ đã qua sử dụng và hoặc khung gầm đã qua sử dụng có gắn động cơ mới);
- Xe đạp;
- Xe hai bánh, ba bánh gắn máy;
- Ô tô cứu thương;
- Ô tô các loại: đã thay đổi kết cấu chuyển đổi công năng so với thiết kế ban đầu; bị đục sửa số khung, số máy

7. Phế liệu, phế thải, thiết bị làm lạnh sử dụng C.F.C.
8. Sản phẩm, vật liệu có chứa amiăng thuộc nhóm amfibole
9. Hoá chất độc Bảng I được quy định trong Công ước vũ khí hoá học.

HẾT.

PHỤ LỤC III

DANH MỤC HÀNG CẤM CỦA VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA, CẦN VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CỦA BỘ THƯƠNG MẠI CAMPUCHIA KHI QUÁ CẢNH QUA VIỆT NAM

I - HÀNG CẤM XUẤT KHẨU

1. Các loại thuốc bị cấm và các loại thuốc tâm thần.
2. Tác phẩm nghệ thuật văn hóa; cổ vật và các di sản văn hóa.
3. Lâm sản
   - Gỗ tròn thô (đã bóc vỏ hoặc chưa)
   -Gỗ xẻ thô
   - Gỗ vuông với chiều rộng hơn 25cm, kể cả khi đã bào nhẵn
   - Dầu Dyxosylum Lorreiri, cây nho vàng, bột nho vàng
   -Pháo hoa các loại, kể cả khi đã bó; và than củi, Borassus frabellifer
4. Tinh chất centrifuge
5. Động thực vật là biểu tượng của Vương quốc Campuchia:

   - Động vật 4 chân: Bos Sauveli
   - Chim : Pseudibis gigantea
   - Thằn lằn : Batagur baska
   - Cá : Catkicaroui Siamensis
   - Thực vật : Borassus Flabellifer

II - HÀNG CẤM NHẬP KHẨU

1. Các loại thuốc bị cấm và các chất gây nghiện
2. Các loại xe tay lái bên phải
3. Hàng đã qua sử dụng như: máy tính, giầy, túi xách, pin và máy biến thế.
4. Sách chính trị, tôn giáo, sách chứa tranh ảnh khiêu dâm và các loại sách được xuất bản bất hợp pháp.
5. Hàng hóa vi phạm sở hữu trí tuệ hoặc hàng giả.
6. Mọi loại động thực vật hoang dã có ảnh hưởng tới nguồn gen.
7. Hàng hóa các loại ảnh hướng tới giáo dục, văn hóa, an ninh và an toàn xã hội

Phụ lục IV

CÁC CẶP CỬA KHẨU CHO PHÉP QUÁ CẢNH

STT	Cửa khẩu của Việt Nam	Tuyến đường của Việt Nam	Cửa khẩu của Cam-pu-chia	Tuyến đường của Cam-pu-chia
1.	Vĩnh Xương (tỉnh An Giang)	*Sông Tiền - Cửu Long*	Ca om Samno (tỉnh Kandal)	*Sông Mêkông*
2	Thường Phước (tỉnh Đồng Tháp)	*Sông Tiền - Cửu Long*	Cốc Rô Ca (tỉnh Prey Veng)	*Sông Mêkông*
3	Mộc Bài (tỉnh Tây Ninh)	*Quốc lộ 22 A*	Ba Vét (tỉnh Svay Riêng)	*Quốc lộ 1*
4	Xa Mát (tỉnh Tây Ninh)	*Quốc lộ 22 B*	Tơrapeng Phơ-long (tỉnh Kong Pong Chàm)	*Quốc lộ 72*
5	Lệ Thanh (tỉnh Gia Lai)	*Quốc lộ 19*	O Da Đao (tỉnh Ratanakiri)	*Quốc lộ 78*
6	Hoa Lư (tỉnh Bình Phước)	*Quốc lộ 13*	Tơrapeng Sre (tỉnh Kara Chê)	*Quốc lộ 74*
7	Tịnh Biên (tỉnh An Giang)	*Quốc lộ 91*	Phơ-nông Đơn (tỉnh Takeo)	*Quốc lộ 2*
8	Hà Tiên (tỉnh Kiên Giang)	*Quốc lộ 80*	Prek Chak (Lork - tỉnh Kam Pốt)	*Quốc lộ 33A*
9	Dinh Bà (tỉnh Đồng Tháp)	*Quốc lộ 30*	Bontia Chăk Crây (tỉnh Prêy Veng)	*Tỉnh lộ 30*
10	Bình Hiệp (tỉnh Long An)	*Quốc lộ 62*	Pray Vor (tỉnh Svay Riêng)	*Tỉnh lộ 314D*

AGREEMENT

ON THE TRANSIT OF GOODS

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE ROYAL GOVERNMENT OF CAMBODIA

The Royal Government of Cambodia and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam (hereinafter referred to as the "Contracting Parties");

Being desirous of further strengthening and expanding economic and trade cooperation between the two Countries on the principles of equality and mutual benefit in order to develop the economy of each Country;

Determined to create the most favorable conditions for the transit of goods through simplifying administrative procedures and border measures;

Have agreed as follows:

Article 1

Facilitation of the Transit of Goods

1. The Contracting Parties shall permit goods of either Contracting Party exported to a third country or imported from a third country, or transported from one locality to another locality of one Contracting Party, to be transited through the territory of the respective Contracting Parties under the supervision of customs and other competent authorities of the respective Contracting Parties.

2. The Contracting Parties shall facilitate the transit of goods by road or waterway or railway between the two countries in accordance with laws and regulation of both countries, without causing any time delay to the course of transit, without issuing any regulations that appears to be unnecessary barriers to

the course of transit, and without collecting any unnecessary fee for the transit process.

Article 2

Definitions

In this agreement, terms are defined as follows:

1. Transit of goods means the transportation of goods owned by any natural or legal person of the country applying for transit through the territory of the transit country, including transshipment, portage or warehousing, shipment separation or alteration of modes of transportation or other jobs performed during the course of transit under customs and other competent authorities' supervision in accordance with the laws and regulations of the transit country.

2. The country applying for transit is the country where the natural or legal person owning the goods in transit is located.

3. The transit country is the country through the territory of which the goods in transit are allowed to pass.

4. The owner is the natural or legal person who owns the goods in transit.

5. The carrier of goods in transit is the natural or legal person who is legally authorized by the owner or his/her representative to deliver the goods in transit in accordance with the laws and regulations of the transit country.

6. Prohibited goods means goods banned from business, goods banned from export or import, and goods temporarily ceased from export or import.

Article 3

Regulations on Transit

The transit of goods shall be done in compliance with the following regulations:

1. The transit of goods shall be compliant with the customs and other relevant laws and regulations of the transit country and international treaties to which the Contracting Parties are signatories.

2. The quantity and specification of the goods delivered through the last exit border gate of the transit country shall be exactly the same as that delivered through the first entry border gate of the transit country, and the goods shall be in its original conditions of packaging or shipment and attached customs seal. If the goods are lost, damaged or broken during the course of transit, the owner or the carrier shall report to local customs and/or other relevant authorities in accordance with the laws and regulations of the transit country to make a written report or declaration of the conditions of the goods. In case there is no local customs, the owner or the carrier shall report the situation to the nearest local authorities to make such a report or declaration.

3. The goods in transit shall not be subject to routine customs physical inspection at the border or customs escorts in the territory of the transit country. Physical inspection of the goods in transit shall be conducted only in case the customs authorities suspect that goods have high risk of violating the provisions of this Agreement or customs laws and regulations.

4. If the goods in transit are to be kept in warehouse and depot in the transit country, a permit from the competent authorities of the transit country on time and place shall be required and the goods shall be under the supervision of the customs authority of the transit country.

Article 4

Transit of Prohibited Goods

The transit of prohibited goods shall be governed by the following provisions:

1. Those goods which are banned from export, import or transportation by international treaties to which Contracting Parties are signatories shall not be allowed to transit.

2. The goods on the lists of prohibited goods shall not be transited, unless otherwise provided for in this Agreement.

3. The transit of weapons, ammunitions, explosives, or military technical equipment for national defense and national security shall transit only when accompanied by a permit from the Prime Minister of the transit country and shall be carried out in compliance with the relevant laws and regulations of the transit country.

4. The transit of goods under the lists of prohibited goods of the transit country but not under such a list of the country applying for transit shall be allowed when accompanied by a permit from the Ministry of Commerce/Ministry of Industry and Trade or its authorized representative office of the transit country following a request by owner.

5. For the goods appears as Annex III of the Kingdom of Cambodia, the Ministry of Industry and Trade or its authorized representative office of the Socialist Republic of Viet Nam shall provide a transit permit following a written request by the Ministry of Commerce of the Kingdom of Cambodia.

6. Goods under the lists of prohibited goods shall be transported on the designated roads, waterway and railway, through the designated pairs of border gates, using the means of transport and within the timeframe provided in the transit license, and shall be supervised by the customs and other relevant authorities of the transit country.

7. The lists of prohibited goods of each Contracting Party shall be drawn up in accordance with the laws and regulations of the respective Contracting Party. The list of prohibited goods of the Kingdom of Cambodia appears as Annex I. The list of prohibited goods of the Socialist Republic of Viet Nam appears as Annex II. Such Lists shall be provided in written English by the Ministry of Commerce of Cambodia and the Ministry of Industry and Trade of Viet Nam within 30 days of the signing this Agreement. These lists may be revised and in such a case, the Ministry of Commerce of Cambodia and the Ministry of

Industry and Trade of Viet Nam shall inform each other of the revised lists and the revised lists shall automatically replace the previous lists.

Article 5

Transit of Timber, Processed Wood and Wood Products

The transit of timber, processed wood and wood products shall be governed by the following provisions:

1. The transit of timber (wood in the rough, whether or not stripped of bark or sapwood, or roughly squared) shall not be permitted to transit through the territory of either Contracting Party.

2. The transit of processed wood shall require a permit from the Ministry of Commerce/ Ministry of Industry and Trade of the transit country following a written request by the Ministry of Industry and Trade/Ministry of Commerce of the country applying for transit. Such a written request shall be based on supporting documents if required in accordance with the laws and regulations of the country applying for transit.

3. For the other wood products not referred to in paragraph 1 and paragraph 2 of this Article, when transited by roads or waterway through the pairs of border gates as prescribed under Article 7, the owner or the carrier shall undergo customs clearance only at those pairs of border gated. No permit from the Ministry of Commerce/Ministry of Industry and Trade is required. The authority of the transit country shall take necessary measures to ensure that the wood products are legally allowed for transit.

Article 6

Other provisions

For those goods which are not under the scope of Article 4 and 5, when transited by roads or waterway or railway through the pairs of border gates as prescribed under Article 7, the owner or the carrier shall undergo customs clearance for the goods in transit only at those pairs of border gates. No permit from the Ministry of Commerce/Ministry of Industry and Trade is required.

Article 7

Designated Border Gates for Transit

The transit of goods shall be made through the pairs of international border gates and associated routes which appear as Annex IV to this Agreement.

In order to facilitate the transit of goods, if there is a need, other pairs of border gates would be opened for goods in transit with mutual consent of Contracting Parties.

Article 8

Provisions on the Consumption of Goods in Transit

1. It is prohibited to consume goods in transit under the lists of prohibited goods in the territory of the transit country.

2. For goods in transit which are not under the lists referred in paragraph 1 of this Article, their consumption in the territory of the transit country would only be permitted in case of force majeure and when it is so approved by the competent authorities of the transit country, and the goods shall be subject to duties and other charges and fees in accordance with the laws and regulations of the transit country.

Article 9

Currency of Payment

Payment of fees and expenses arising from activities related to goods in transit shall be made in the local currency of the transit country or in freely

convertible currency in accordance with the laws and regulations on foreign exchange of each Contracting Party.

Article 10

Mode and Means of Transportation

1. In case the goods in transit are transported by road, the owner or the carrier may use their own means of transportation or hire means of transportation of another country with reference to the Agreement for the facilitation of Cross-Border Transport of Goods and People of the GMS (GMS CBTA).

2. In case the goods in transit are transported by waterway, the owner or the carrier may use their own means of waterway transportation or hire means of waterway transportation of another country with reference to the Agreement for the facilitation of Cross-Border Transport of Goods and People of the GMS (GMS CBTA).

3. The transit of means of transportation and accompanying people as well as the transshipment, or change of means of transportation shall be compliant with the regional and international treaties to which the Contracting Parties are signatories. In case no relevant provisions are found in such regional and international treaties, the above activities shall be done in compliance with the laws and regulations of the transit country.

Article 11

Authorization for Implementation

The Contracting Parties agreed to authorize the Ministry of Commerce of the Kingdom of Cambodia and the Ministry of Industry and Trade of the Socialist Republic of Viet Nam, subject to the specific conditions in each period, to negotiate and conclude arrangements on detailed documentary forms, including a set of transit documents, for the implementation of this Agreement.

Article 12

Violation

Any violation by the owner or the carrier of the laws and regulations of the transit country during the course of transit shall be punished in accordance with the relevant laws and regulations of the transit country.

Article 13

Settlement of Disputes

Any dispute arising from the interpretation or implementation of this Agreement shall be amicably settled between the Competent Authorities of the Contracting Parties through the diplomatic channels.

Article 14

Amendments

A Contracting Party may make a written request to amend or supplement to this Agreement. Within three months from the date of receipt of the request, the other Contracting Party shall formally respond in writing. The amendment of or supplement to this Agreement made by the Contracting Parties shall form an integral part of this Agreement and shall have the same validity as this Agreement.

Article 15

Entry into Force

This agreement shall enter into force after 60 days from the date of signing and be valid for two (02) years. In case within 60 days prior to the expiry of this Agreement, none of the Contracting Parties give the other Contracting Party a written notice of its desire to terminate this Agreement through the diplomatic channel, the validity of this Agreement shall be automatically extended for successive periods of one (01) year.

In case a Contracting Party gives the other Contracting Party a written notice of its desire to terminate this Agreement through diplomatic channel, this Agreement shall be terminated after 60 days from the date of receipt of such a notice.

In case of termination of this Agreement, its provisions shall still be applied to operations or contractual arrangements which have been signed before the date of termination until full completion of these arrangements.

This Agreement supersedes the Agreement on the Transit of Goods between the Royal Government of Cambodia and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam signed on 4th November 2008.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, duly authorized thereto by their respective Governments, have signed this Agreement.

Done in Ha Noi, Viet Nam on December 26th, 2013 in duplicate in the Khmer, Vietnamese and English languages, all texts being equally authentic. In case of any divergence in interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE ROYAL GOVERNMENT OF CAMBODIA
VU HUY HOANG	SUN CHANTHOL
Minister of Industry and Trade	Senior Minister, Minister of Commerce

ANNEX I

LIST OF PROHIBITED GOODS OF THE KINGDOM OF CAMBODIA

(Anukret No. 209 dated 31 December 2007)

I - GOODS BANNED FROM EXPORT

1. Weapon and ammunition; part and accessories thereof.
2. Illicit drugs and others psychotropic substances.
3. Cultural Works of art; cultural collector' pieces and cultural antiques.
4. Forest products and non timber forest products:
   - -Raw (round) logs, whether debarked or not
   - -Crude and rough sawn timber
   - -Squared logs with a width of more than 25cm, even when smoothed
   - -Oil Dyxosylum Lorreiri, Yellow Vine, Yellow Vine Powder
   - -Firewood, all kinds, even when bundled; and charcoal, Borassus frabellifer
5. Centrifuge Concentrate.
6. Animal and Plant are symbol of the Kingdom of Cambodia:

-Quadrupedal	:	Bos Sauveli
-Birds	:	Pseudibis gigantea
-Reptile	:	Batagur baska
-Fish	:	Catkicaroui Siamensis
-Plant	:	Borassus Flabellifer

II - GOODS BANNED FROM IMPORT

1. Weapon and ammunition; parts and accessories thereof.
2. Illicit drugs and others psychotropic substances.
3. All kind of Car right-steering.
4. Used goods: Computers, Shoes, Bags, Batteries and Transformator.
5. Religion books, Politics books, Obscene Picture and Others illegal published.
6. Goods violate the intellectual Property Right Law or Fake Products.
7. All kind of wild animal and plant impact to genetic Resource.
8. All kind of waste of used products.
9. All kind of Goods impact on Education, Culture, Security and Social-Safety.

ANNEX II

LIST OF PROHIBITED GOODS OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

I - GOODS BANNED FROM EXPORT

1. Weapons, ammunition, explosive materials (except industrial explosives) and military technical equipment.
2. National relics, antiques and precious objects which belong to all the citizens, to political organizations and to socio-political organizations
3. Cultural products in the category prohibited from dissemination and circulation in Vietnam
4. Round timber and sawn timber produced from domestic natural forests
5. Rare and precious wild animals, natural fauna and flora, and seedlings for growing crops and raising plants listed in Groups IA-IB of Decree No. 48-2002-ND-CP of the Government dated 22 April 2002; and rare and precious wild animals and fauna and flora in the "red book" for which Viet Nam has made undertakings to international organizations.
6. Rare and precious products of aquaculture.
7. All types of specialist coding machines and cipher software programs used in the sector of protection of State secrets.
8. Type 1 toxic chemicals stipulated in the Treaty Prohibiting Chemical Weapons.

II - GOODS BANNED FROM IMPORT

1. Weapons, ammunition, explosive materials (except industrial explosives) and military technical equipment.
2. Assorted firecrackers (except for flares used for marine safety pursuant to guidelines of the Ministry of Transport) and equipment interfering with road traffic speed measuring instruments.
3. Second-hand consumer goods, comprising the following groups:

- Textiles and garments, shoes and sandals, clothing.
- Electronic goods
- Refrigerators.
- Household electrical appliances
- Medical apparatus
- Furniture and items of interior decoration
- Household goods comprising porcelain, terracotta and china, glass, metal, resin, rubber and plastic articles and household goods made from other materials
- Second-hand information technology products

4. Cultural products prohibited from dissemination and circulation in Viet Nam.
5. Right-hand-drive motor vehicles (including vehicles in which the right-hand-drive mechanism has been removed or re-arranged prior to import into Viet Nam) except for specialized use right-handdrive motor vehicles used in narrow places such as cranes, canal and drain digging machines, road sweepers, road

watering vehicles, rubbish collecting vehicles, road surfacing vehicles, passenger vehicles at airports, fork-lift trucks at warehouses and ports, and caddy vehicles at golf-courses.

6. Second-hand materials and transport facilities, comprising:
- Frames, tyres and tubes, accessories and engines of all types of automobiles, tractors, twowheeled and three-wheeled vehicles
- Chasses attached to automobile and tractor engines
- Bicycles
- Two and three-wheeled motor vehicles.
- Ambulances.
- All types of vehicles in which the transmission structure has been changed as compared to the original design; or in which the frame or engine number has been erased.

7. Scrap and waste, refrigerating equipment using C.F.C.
8. Products containing asbestos of the group of amphibole
9. Type 1 toxic chemicals stipulated in the Treaty Prohibiting Chemical Weapons.

ANNEX III

LIST OF PROHIBITED GOODS OF THE KINGDOM OF CAMBODIA REQUIRING THE MINISTRY OF COMMERCE'S WRITTEN REQUEST WHEN TRANSIT THROUGH VIET NAM

(Anukret No. 209 dated 31 December 2007)

I - GOODS BANNED FROM EXPORT

1. Illicit drugs and others psychotropic substances.
2. Cultural Works of art; cultural collector' pieces and cultural antiques.
3. Forest products and non timber forest products:
   - -Raw (round) logs, whether debarked or not
   - -Crude and rough sawn timber
   - -Squared logs with a width of more than 25cm, even when smoothed
   - -Oil Dyxosylum Lorreiri, Yellow Vine, Yellow Vine Powder
   - -Firewood, all kinds, even when bundled; and charcoal, Borassus frabellifer
4. Centrifuge Concentrate.
5. Animal and Plant are symbol of the Kingdom of Cambodia:

-Quadrupedal	:	Bos Sauveli
-Birds	:	Pseudibis gigantea
-Reptile	:	Batagur baska
-Fish	:	Catkicaroui Siamensis
-Plant	:	Borassus Flabellifer

II - GOODS BANNED FROM IMPORT

1. Illicit drugs and others psychotropic substances.
2. All kind of Car right-steering.
3. Used goods: Computers, Shoes, Bags, Batteries and Transformator.
4. Religion books, Politics books, Obscene Picture and Others illegal published.
5. Goods violate the intellectual Property Right Law or Fake Products.
6. All kind of wild animal and plant impact to genetic Resource.
7. All kind of Goods impact on Education, Culture, Security and Social-Safety.

ANNEX IV

DESIGNATED BORDER GATES FOR TRANSIT

No	Cambodia's border gates	Cambodia's associated routes	Vietnam's border gates	Vietnam's associated routes
1	Kaam Samnor (Kandal Province)	Mekong River	Vinh Xuong (An Giang Province)	Tien River (Cuu Long)
2	Phnom Den (Takeo Province)	National Road 2	Tinh Biên (An Giang Province)	National Road 91
3	Koh Roka (Prey Veng Province)	Mekong River	Thuong Phuoc (Dong Thap Province)	Tien River (Cuu Long)
4	Bavet (Svay Rieng Province)	National Road 1	Moc Bai (Tay Ninh Province)	National Road 22A
5	Banteay Chakrey (Prey Veng Province)	Provincial Road 30	Dinh Ba (Dong Thap Province)	National Road 30
6	Trapeang Phlong (Kampong Cham Province)	National Road 72	Xa Mat (Tay Ninh Province)	National Road 22 B
7	O Yadav (Ratanakiri Province)	National Road 78	Le Thanh (Gia Lai Province)	National Road 19
8	Trapeang Sre (Kratie Province)	National Road 74	Hoa Lu (Binh Phuoc Province)	National Road 13
9	Prek Chak (Kampot Province)	National Road 33A	Ha Tien (Kien Giang Province)	National Road 80
10	Prey Vor (Svay Rieng Province)	Provincial Road 314D	Binh Hiep (Long An Province)	National Road 62